



**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

**THÔNG BÁO
KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP
THÁNG VII/2015**



HÀ NỘI, THÁNG VIII/2015

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo Khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (1 tháng, 3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn;

Webside: <http://www.imh.ac.vn>

MỤC LỤC

	Trang
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG VII/2015.....	3
1. Vùng Tây Bắc.....	3
2. Vùng Việt Bắc.....	4
3. Vùng Đông Bắc.....	6
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ	7
5. Vùng Bắc Trung Bộ	8
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	9
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	10
8. Vùng Tây Nguyên	12
9. Vùng Nam Bộ.....	13
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VII/2015.....	14
III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VIII, IX, X/2015	19
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	20
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	20

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG VII/2015

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng VII/2015 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN ($-1,2^{\circ}\text{C}$ đến $1,6^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -530mm đến 180mm , ngoại trừ khu vực đồng bằng Bắc Bộ lượng mưa thấp hơn TBNN từ 80mm - 190mm (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -150 giờ đến 45 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -12% đến 9%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng VII/2015 ở từng vùng của nước ta như sau:

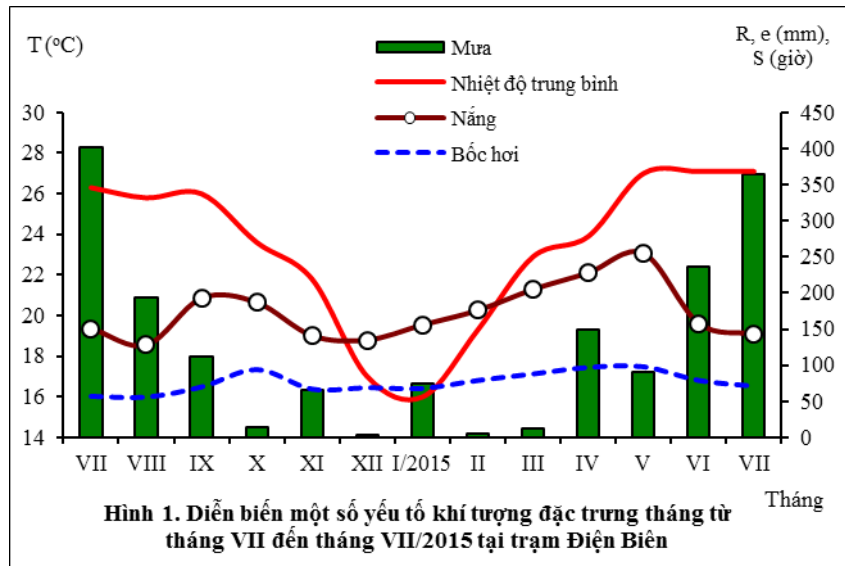
1. Vùng Tây Bắc

1.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ $-0,3$ đến $1,4^{\circ}\text{C}$; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ $20,5^{\circ}\text{C}$ đến $29,2^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ $18,3^{\circ}\text{C}$ đến $26,1^{\circ}\text{C}$, giá trị thấp nhất là $15,3^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 8/VII tại Sơn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $23,9^{\circ}\text{C}$ đến $34,0^{\circ}\text{C}$, giá trị cao nhất là $40,6^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 03/VII tại Hòa Bình. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII đến tháng VII/2015 tại trạm Điện Biên

1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VII/2015 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-150mm đến 180mm). Giá trị tổng lượng mưa tháng phổ biến dao động trong khoảng từ 145mm đến 616mm.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 30mm đến 142mm, cao nhất là 160mm xảy ra ngày 25/VII tại Quỳnh Nhai.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 14 đến 22 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 9 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 19 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng tại trạm đại diện vùng Tây Bắc (trạm Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng VII/2015 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -58 giờ đến 12 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 115 giờ đến 166 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VII/2015 dao động từ 77% đến 87%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -8% đến -1%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 37% xảy ra vào ngày 10/VII tại Mường Lay.

- Tổng lượng bốc hơi tháng VII/2015 có giá trị phổ biến từ 42mm đến 123mm, cao nhất là 157mm tại Sông Mã. Lượng bốc hơi tháng ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa. Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 3 - 11mm.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày từ 2 đến 11 ngày trong đó có 1-3 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 1 đến 12 ngày.

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng VII/2015 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ($0,4^{\circ}\text{C}$ đến $1,6^{\circ}\text{C}$) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

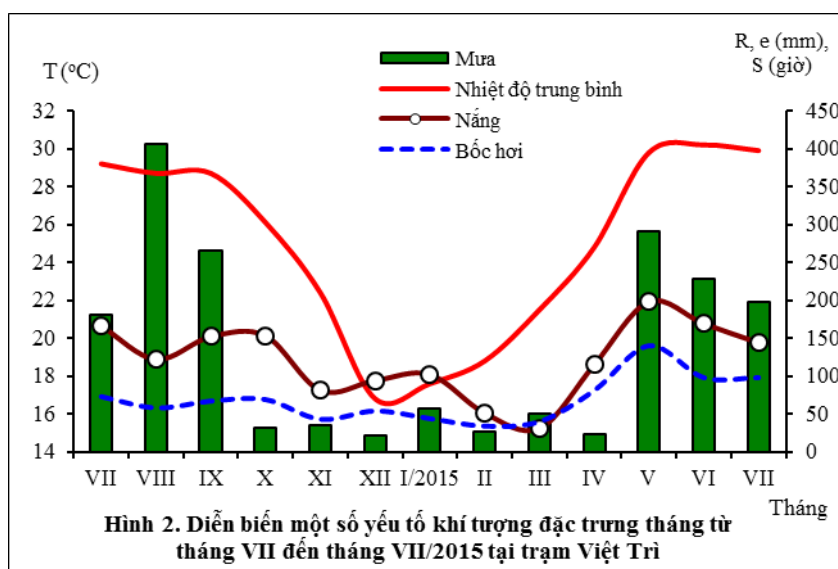
- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ $19,7^{\circ}\text{C}$ đến $29,9^{\circ}\text{C}$;

- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 17,0⁰C đến 27,0⁰C, nhiệt độ không khí thấp nhất là 12,7⁰C xảy ra vào ngày 6/VII tại Sa Pa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 23,2⁰C đến 34,5⁰C, nhiệt độ không khí cao nhất là 40,2⁰C xảy ra vào ngày 1/VII tại Lào Cai.

2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 147mm đến 456mm; tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-500mm đến -80mm). Diễn biến của tổng lượng mưa tháng ở trạm Việt



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII đến tháng VII/2015 tại trạm Việt Trì

Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 37mm đến 129mm. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 10 - 19 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 11 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 11 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VII/2015 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 108 giờ đến 185 giờ, phổ biến ở mức dao động xung quanh giá trị TBNN (-62 giờ đến 43 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VII/2015 phổ biến từ 75 đến 87%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-10% đến -1%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 35%, xảy ra vào ngày 10/VII tại Hàm Yên.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 56mm đến 150mm, và có giá trị ở thấp hơn giá trị lượng mưa (-384mm đến -45mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4mm đến 10mm.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện một vài nơi trong vùng với số ngày từ 2 đến 10 ngày với cường độ mạnh từ 1 - 6 ngày;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 1 đến 13 ngày.

3. Vùng Đông Bắc

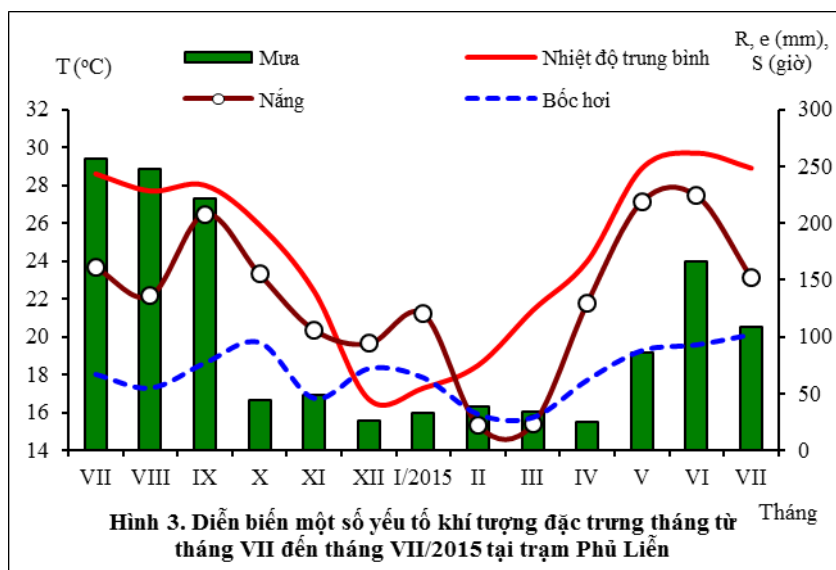
3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-0,3 đến -0,7°C); có giá trị dao động từ 25,7°C đến 29,3°C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 30,7°C đến 34,1°C,

giá trị nhiệt độ cao nhất là 39,2°C xảy ra vào ngày 3/VII tại Lục Ngạn.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 22,7°C đến 27,1°C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 18°C xảy ra vào ngày 9/VII tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liễn được thể hiện trên hình 3.



3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng VII/2015 dao động phổ biến từ 106mm đến 1101mm, cao nhất là 1413mm tại Cửa Ông, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-160mm đến 150mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 34 đến 437mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 13 - 19 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 9 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 10 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liễn) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng VII/2015 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-80 giờ đến -28 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 131 giờ đến 178 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VII/2015 ở các nơi dao động phổ biến từ 78 đến 86%, ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -6% đến -2%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 36% xảy ra vào ngày 9/VII tại Thất Khê.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 66mm đến 114mm. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (-300mm đến -150mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 4 - 8mm (hình 14).

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện một vài nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 8 ngày với cường độ nhẹ;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 5 đến 16 ngày.

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 29,1⁰C đến 30,4⁰C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 0,2⁰C đến 1,5⁰C) (hình 10);

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 32,1⁰C đến 34,4⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 41,3⁰C xảy ra vào ngày 03/VII tại Nho Quan;

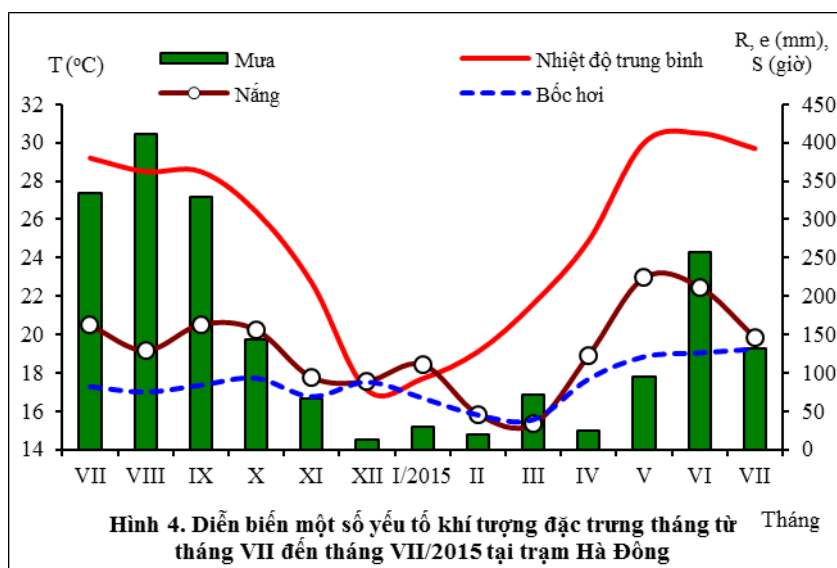
- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 26,4⁰C đến 27,6⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 23,1⁰C xảy ra vào ngày 5/VII tại Hà Đông. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-190mm đến -10mm, hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 61mm đến 310mm.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 10 đến 88mm, số ngày mưa trong tháng

phổ biến từ 10 đến 18 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 8 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 10 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII đến tháng VII/2015 tại trạm Hà Đông

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VII/2015 ở các nơi trong vùng dao động từ 122 giờ đến 153 giờ; có giá trị ở mức thấp hơn giá trị TBNN (từ -100 giờ đến -50 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 72% đến 83%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-12% đến -3%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 34% xảy ra vào ngày 03/VII tại Nho Quan.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 67mm đến 131mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 5 đến 15mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa tháng từ -150mm đến 33mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện một vài nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 10 ngày với cường độ mạnh từ 1 - 5 ngày;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 4 đến 10 ngày.

5. Vùng Bắc Trung Bộ

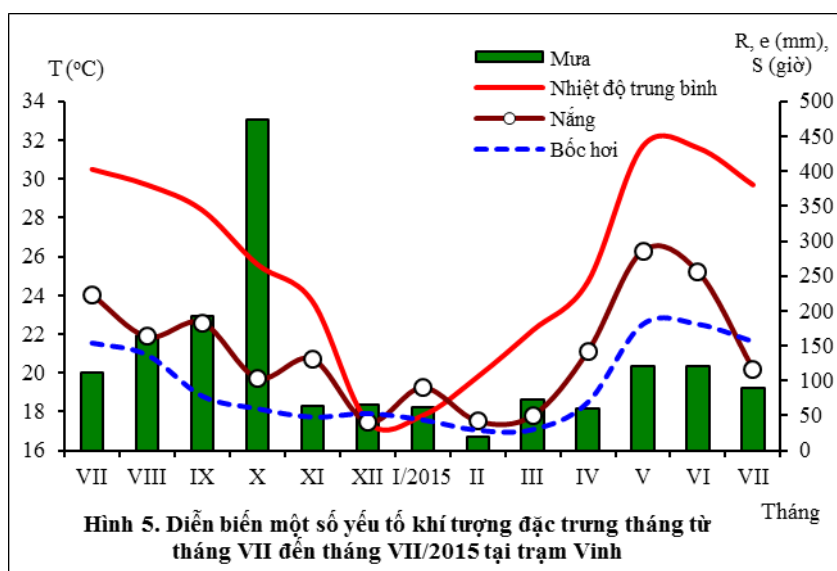
5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ $-0,7^{\circ}\text{C}$ đến $0,7^{\circ}\text{C}$ (hình 10) và có giá trị từ $27,8^{\circ}\text{C}$ đến $29,7^{\circ}\text{C}$.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $31,5^{\circ}\text{C}$ đến $35,7^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ cao nhất là $41,8^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 03/VII tại Tĩnh Gia.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $24,7^{\circ}\text{C}$ đến $27,2^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $22,9^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 09/VII tại Kỳ Anh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.2. Diễn biến về mưa



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII đến tháng VII/2015 tại trạm Vinh

- Trong tháng VII/2015, các giá trị tổng lượng mưa tháng dao động phổ biến từ 56mm đến 337mm. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-110mm đến 134mm) (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 25 đến 81mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 11 - 19 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 8 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 11 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 99 giờ đến 146 giờ, tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị TBNN (từ -150 giờ đến -20giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 69% đến 87%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-4% đến 4%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 32% xảy ra vào ngày 01/VII tại Quy Châu

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 69mm đến 170mm, lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 6 - 14mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-299mm đến 66mm).

5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

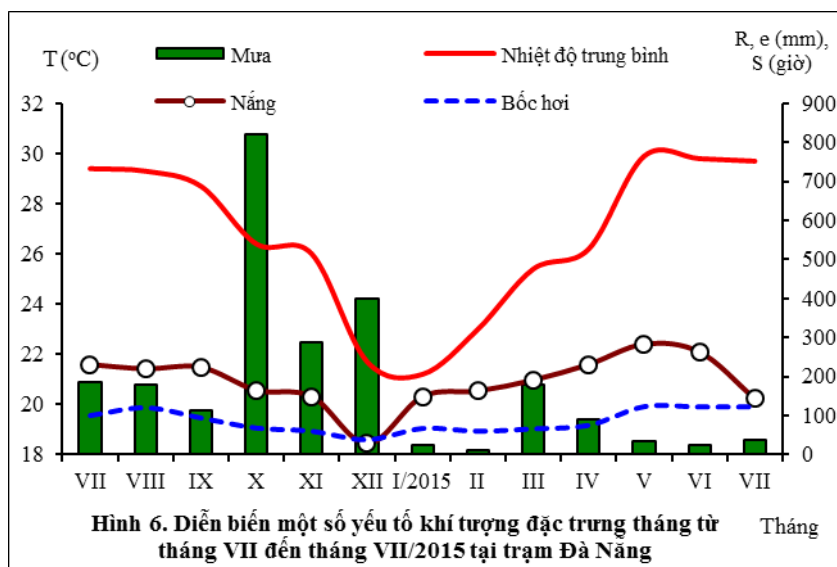
- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 16 ngày, với 1-9 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 1 đến 10 ngày.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VII/2015 từ 24,7⁰C đến 29,7⁰C, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-1,2⁰C đến 0,6⁰C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII đến tháng VII/2015 tại trạm Đà Nẵng

Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 28,5⁰C đến 34,6⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 41⁰C xảy ra vào ngày 4/VII tại Tam Kỳ.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 22,2⁰C đến 27,7⁰C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 19,0⁰C xảy ra vào ngày 9/VII tại A Lưới.

6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng VII/2015 ở hầu hết các nơi trong vùng phổ biến từ 37mm đến 335mm. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-83mm đến 115mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 8mm đến 59mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 9 đến 23 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 10 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 8 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng trên hình 6.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 89 giờ đến 190 giờ. Phổ biến ở mức thấp hơn giá trị TBNN (-150 giờ đến -70 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 72% đến 87%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 2% đến 9%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 38% xảy ra vào các ngày 3/VII tại Ba Đồn và ngày 3/VII tại Huế.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 38mm đến 136mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 5 đến 10mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-235mm đến 85mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 4 đến 11 ngày, có 1-5 ngày cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 1 đến 9 ngày.

7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

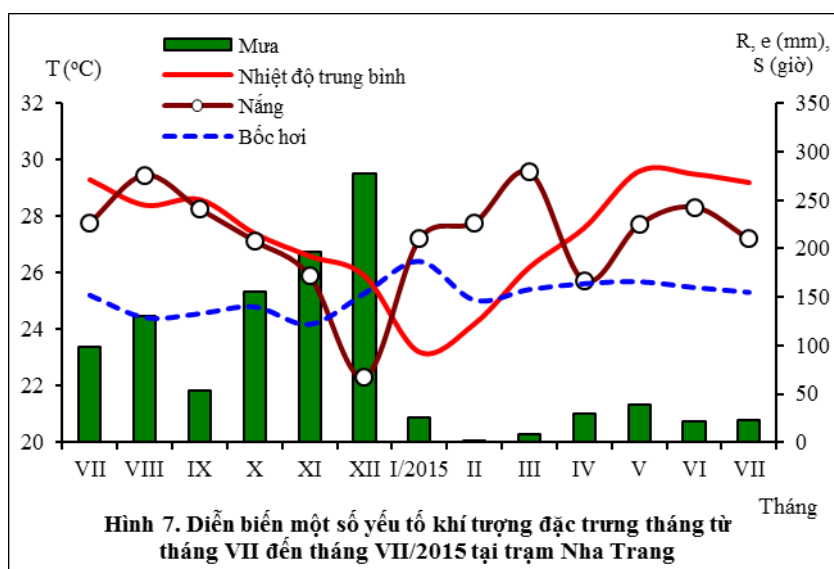
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VII/2015 từ 26,7⁰C đến 30,4⁰C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,6 đến 1,0⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 30,7⁰C đến 35,2⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 39,6⁰C xảy ra vào ngày 4/VII tại Quy Nhơn.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 24,1⁰C đến 27,9⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 23,0⁰C, xảy ra vào ngày 10/VII tại Phú Quý. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng VII/2015, lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng phổ biến từ 7mm đến 380mm. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -23mm đến 170mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Nha Trang được thể hiện trên hình 7.



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII đến tháng VII/2015 tại trạm Nha Trang

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 1mm đến 75mm.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 8 đến 22 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 15 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 3 đến 12 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VII/2015 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 183 giờ đến 317 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-56 giờ đến 128 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 66% đến 85%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -6% đến 5% (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 36% xảy ra vào các ngày 2/VII tại Hoài Nhơn.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 95mm đến 194mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 5 đến 12mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-132mm đến 142mm).

7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

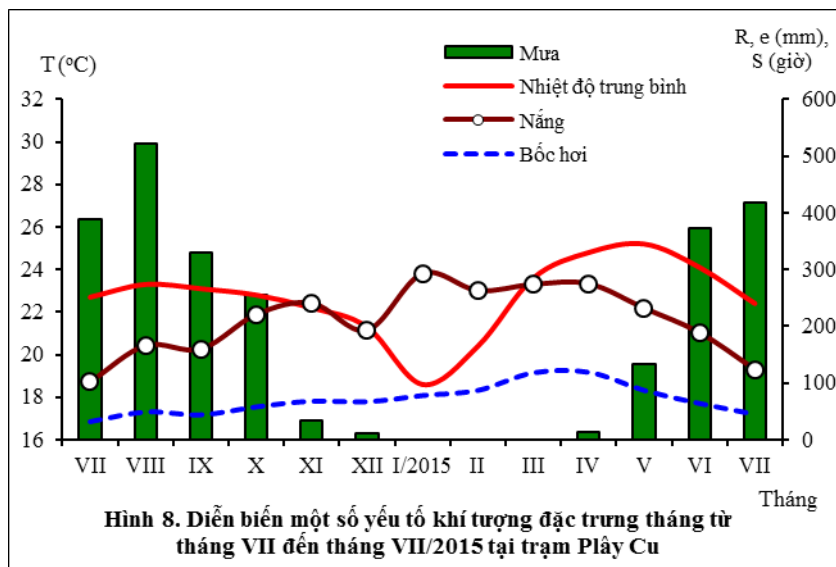
- Gió tây khô nóng xuất hiện một vài nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 2 đến 14 ngày, với 1-6 ngày cường độ mạnh;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 3 đến 8 ngày.

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng VII/2015 từ $19,4^{\circ}\text{C}$ đến $28,6^{\circ}\text{C}$; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $0,5^{\circ}\text{C}$ đến $1,3^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ $23,7^{\circ}\text{C}$ đến $32,5^{\circ}\text{C}$; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là $34,3^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 24/VII tại Ayunpa.



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII đến tháng VII/2015 tại trạm Plây Cu

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ $17,1^{\circ}\text{C}$ đến $24,8^{\circ}\text{C}$ giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $14,5^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 30/VII tại Đà Lạt, đây là giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất toàn quốc. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VII/2015 dao động từ 46mm đến 492mm. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -100mm đến 100mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 9mm đến 92mm. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 13 đến 28 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 21 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 8 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VII/2015 phổ biến từ 85 giờ đến 195 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-57 giờ đến -13 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN

(hình 13), có giá trị phổ biến từ 75% đến 89%; độ ẩm không khí thấp nhất là 48% xảy ra vào ngày 24/VII tại Kon Tum.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 30mm đến 143mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 9mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng thấp hơn giá trị lượng mưa (-448mm đến -198mm).

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

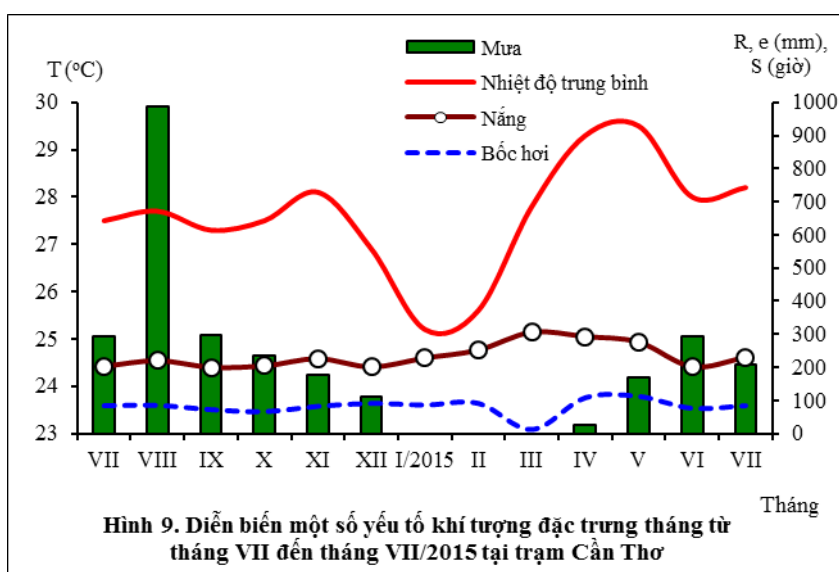
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 2 đến 16 ngày.

9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VII/2015 từ 26,6⁰C đến 28,8⁰C, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,6⁰C đến 1,6⁰C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 29,7⁰ đến 34,9⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 35,5⁰C xảy ra vào ngày 3/VII tại Tây Ninh.



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII đến tháng VII/2015 tại trạm đại diện Cần Thơ

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,6⁰C đến 27,8⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 21,9⁰C xảy ra vào ngày 22/VII tại Long Khánh. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng tại trạm đại diện Cần Thơ.

9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VII/2015 dao động phổ biến từ 89mm đến 363mm. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-167mm đến 134mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 21mm đến 84mm.

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 11 đến 26 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 17 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 9 ngày.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VII/2015 phổ biến từ 159 giờ đến 230 giờ ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-43 giờ đến 44 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 78% đến 87%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -7% đến -2% (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 45% xảy ra vào ngày 27/VII tại Châu Đốc.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 30mm đến 121mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 5mm; lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng (-249mm đến -32mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện một vài nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 5 ngày, có cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 2 đến 20 ngày.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VII/2015

Tháng VII là tháng mùa mưa, bão ở các tỉnh phía Bắc. Do số ngày mưa nhiều, lượng mưa ở hầu hết các vùng đều thấp hơn TBNN nhưng vẫn đảm bảo được đủ nước cần thiết cho sản xuất nông nghiệp nên ở các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ vẫn đảm bảo được kế hoạch gieo cấy lúa mùa và tập trung chăm sóc rau màu vụ hè thu trong thời vụ theo đúng tiến độ sản xuất nông nghiệp. Ở các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc do ảnh hưởng của bão và mưa lớn đã làm thiệt hại đến người và tài sản. Ở các tỉnh Miền Trung do ảnh hưởng của gió tây khô nóng làm thời tiết nóng bức, lượng bốc hơi cao hơn lượng mưa, dẫn đến tình trạng thiếu nước cho sản xuất nông nghiệp. Trong tháng VII các địa phương phía Nam tập trung thu hoạch lúa hè thu và tiếp tục xuống giống lúa mùa, gieo trồng, chăm sóc các loại rau màu và cây công nghiệp ngắn ngày. Vào đầu tháng do tình trạng ít mưa gây ra hạn cục bộ ở một số tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long, tuy nhiên đến cuối tháng mưa to làm nhiều diện tích lúa và hoa màu bị hư hại.

Hoạt động của lĩnh vực trồng trọt trong tháng 7 trên cả nước là đẩy nhanh tiến độ gieo cấy lúa mùa, chăm sóc lúa hè thu và thu hoạch lúa hè thu sớm. Tại các tỉnh miền Bắc đang tập trung vào việc gieo cấy và chăm sóc lúa mùa. Tính đến cuối tháng diện tích gieo cấy toàn miền đạt 1002,8 ngàn ha, bằng 98% cùng kỳ năm ngoái. Các tỉnh miền Nam đã gieo cấy lúa hè thu đạt gần 1915,5 ngàn ha bằng 98,5% so với cùng kỳ năm trước, riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đạt hơn 1.660 ngàn ha, bằng 80,2% so với cả nước. Hiện các địa

phương miền Nam đã thu hoạch lúa hè thu đạt gần 626,5 ngàn ha, chiếm 32,7% diện tích xuống giống, trong đó vùng ĐBSCL thu hoạch đạt 617 ngàn ha, bằng 37% diện tích xuống giống. Năng suất ước tính bình quân trên diện tích thu hoạch của các tỉnh miền Nam đạt 59,4 tạ/ha, tương đương cùng kỳ năm trước.

1. Đối với cây lúa

+ *Lúa hè thu*: Tính đến cuối tháng, tổng diện tích gieo cấy lúa hè thu cả nước ước đạt 2.065 ngàn ha, trong đó tập trung chủ yếu ở các tỉnh miền Nam đạt gần 1.915,5 ngàn ha, bằng 98,5% so với cùng kỳ năm trước, riêng vùng ĐBSCL đạt hơn 1.660 ngàn ha, bằng 80,2% so với cả nước. Hiện các địa phương miền Nam đã thu hoạch đạt gần 626,5 ngàn ha, chiếm 32,7% diện tích xuống giống, trong đó vùng ĐBSCL thu hoạch đạt 617 ngàn ha, bằng 37% diện tích xuống giống. Do ảnh hưởng của mưa lớn kéo dài nhiều ngày qua gây khó khăn đến tiến độ thu hoạch. Nhiều trà lúa bị đổ ngã, ngập nước.

Năm nay thời tiết tiếp tục diễn biến phức tạp và bất thường, nắng nóng khô hạn xảy ra trên diện rộng, nhiệt độ cao kéo dài, mực nước các sông suối đều giảm mạnh, gây khó khăn cho công tác gieo trồng cũng như chăm sóc lúa hè thu trên cả nước. Năng suất ước tính bình quân trên diện tích thu hoạch của các tỉnh miền Nam đạt hơn 59,4 tạ/ha, tương đương cùng kỳ năm trước.

+ *Lúa thu đông*: Tính đến cuối tháng các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đã xuống giống đạt hơn 333,8 ngàn ha lúa thu đông, cao hơn 41,6 ngàn ha tương ứng 14,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Diện tích lúa thu đông năm nay tập trung nhiều ở các tỉnh Đồng Tháp, Cần Thơ, Kiên Giang, Hậu Giang và Vĩnh Long. Một số địa phương khuyến cáo nông dân chỉ xuống giống trong vùng đê bao đảm bảo vượt lũ an toàn, đảm bảo thời gian cách ly giữa các vụ. Hiện lúa thu đông đang ở giai đoạn mạ, đẻ nhánh đến làm đòng, sinh trưởng và phát triển khá.

Mưa lớn cũng làm ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng của hơn 25.000 ha Thu Đông đã xuống giống, nhiều trà lúa kém phát triển, đôi mặt ngập úng, sâu hại...

Tại Hậu Giang những ngày qua mưa lớn trên diện rộng khiến hàng trăm ha lúa Thu Đông vừa xuống giống bị ngập úng. Riêng huyện Phụng Hiệp có gần 500 ha lúa bị ngập úng, với mức thiệt hại khoảng 70% diện tích.

+ *Lúa mùa*

Tính đến cuối tháng 7, cả nước đã gieo cấy đạt gần 1.176,3 ngàn ha lúa mùa, bằng 98% so với cùng kỳ năm ngoái. Phần lớn diện tích lúa mùa tập trung ở các tỉnh miền Bắc với diện tích gieo cấy đạt 1002,8 ngàn ha, bằng 98% cùng

kỳ. Các tỉnh miền Nam cũng đã xuống giống đạt 173,5 ngàn ha, bằng 98,1% so với cùng kỳ năm trước, tập trung chủ yếu tại các tỉnh thuộc địa bàn Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

Ở Miền Bắc, mưa lớn vào cuối tháng 7, đầu tháng 8 đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp:

Tại Quảng Ninh: Lượng mưa lớn nhất trong 6 giờ là 249mm tại Cửa Ông (từ 13h - 19h ngày 26/7). Lượng mưa lớn nhất trong 12 giờ là 296mm tại Bãi Cháy (từ 19h ngày 27/7 đến 7h ngày 28/7). Lượng mưa ngày lớn nhất 24 giờ là 437mm tại Cửa Ông (từ 19h ngày 25/7 đến 19h ngày 26/7). Lượng mưa 3 ngày lớn nhất (72 giờ) là 865mm tại Cửa Ông (từ 19h ngày 25/7 đến 19h ngày 28/7).

Tổng lượng mưa lớn nhất cả đợt là 1.400mm tại Cửa Ông (từ 19h ngày 25/7 đến 19h ngày 2/8).

Các khu vực khác có mưa nhỏ đến mưa vừa, tổng lượng mưa phổ biến dưới 300 mm. Một số trạm có lượng mưa lớn như: Yên Bình (Hà Giang) 300mm, Bãi Cháy (Quảng Ninh) 563mm, Bắc Mê (Hà Giang) 318mm, Cô Tô (Quảng Ninh) 722mm, Phương Viên (Bắc Cạn) 365mm, Cửa Ông (Quảng Ninh) 934mm, Chi Lăng (Lạng Sơn) 420mm, Móng Cái (Quảng Ninh) 980mm, Mẫu Sơn (Lạng Sơn) 420mm, Sơn Động (Bắc Giang) 327mm, Lộc Bình (Lạng Sơn) 303mm.

Mưa lớn đã gây đợt lũ trên hệ thống sông Thái Bình và sông Kỳ Cùng ở mức báo động 1 đến báo động 2. Lúc 15h ngày 2/8, mực nước trên sông Thương tại Phủ Lạng Thương là 4,95m (trên BĐ 1: 0,65m), trên sông Lục Nam tại Lục Nam: 4,6m (trên BĐ 1: 0,3m); trên sông Kỳ Cùng tại Lạng Sơn là 251,7m (dưới BĐ 1: 0,3m), trên sông Thao tại Yên Bái: 30,28m (trên mức BĐ 1: 0,28m)

Mưa lớn ở các tỉnh Miền Bắc đã gây thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp và thủy sản: Diện tích lúa bị ngập thiệt hại: 2466 ha (trong đó: Điện Biên 650 ha, Tuyên Quang 337,1 ha, Lạng Sơn 1330 ha, Cao Bằng 20 ha, Sơn La 129 ha); diện tích hoa, rau màu bị thiệt hại: 6.825 ha (Quảng Ninh 4.329 ha, Điện Biên 650 ha, Tuyên Quang 337ha, Lạng Sơn 1.330ha, Cao Bằng 30 ha, Sơn La 129ha); đại gia súc bị chết: 87 con (Điện Biên); gia cầm bị chết: 13.579 con (Điện Biên 11.500, Quảng Ninh 2079). Về thủy sản: 1.070 ha nuôi thủy sản và 880 lồng, bè, nuôi tôm, cá bị thiệt hại (Quảng Ninh).

Bảng 10. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng VII/2015

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn nảy chồi	Khá	ẩm	
2		Điện Biên	Lúa mùa đẻ nhánh	TB	30cm	đạo ôn nhẹ
3		Văn Chấn	Lúa mùa mọc đống	TB	3cm	
4		Tuyên Quang	Lúa xuân hè đẻ nhánh	TB	Quá ẩm	
5	Đông Bắc	Uông Bí	Lúa mùa đẻ nhánh	Khá	3cm	
6		Lạng Sơn	Lúa mùa đẻ nhánh	Khá	3cm	
7		Bắc Giang	Lúa mùa đẻ nhánh	Khá	3cm	
8	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	chè lớn búp hái	TB	ẩm	
9		Ba Vì	Chè lớn lá thật thứ nhất	TB	ẩm	
10	Đồng bằng Sông Hồng	Hà Đông	Lúa mùa đẻ nhánh	TB	TB	
11		Hoài Đức	Lúa mùa đẻ nhánh	TB	16cm	
12			Cam ra lá mới	Kém	Quá ẩm	
13		Hưng Yên	Lúa mùa đẻ nhánh	Khá	4cm	
14		Nam Định	Lúa mùa mọc đống	Khá	11cm	
15		Ninh Bình	Lúa mùa đẻ nhánh	TB	4cm	
16		Hải Dương	Lúa mùa bén rễ hồi xanh	TB	4cm	
17		Thái Bình	Lúa mùa đẻ nhánh	Khá	4cm	
18	Bắc Trung Bộ	Yên Định	Lạc nở hoa, lá thật thứ 3	TB	TB	
19			Đậu t ₁ ong ra nụ, nở hoa	TB	TB	
20		Thanh Hoá	Lúa mùa cấy	TB	3cm	
21		Quỳnh Lưu	Lúa hè thu đẻ nhánh	TB	10cm	
22		Đô Lương	Lúa hè thu đẻ nhánh	TB	3cm	
23	Trung Trung Bộ	Huế	Lúa hè thu đẻ nhánh	TB		
24	Nam	Tuy Hoà	Lúa hè thu mọc đống	Khá	4cm	

25	Trung Bộ	An Nhơn	Lúa hè thu chín hoàn toàn	Khá	4cm	
26	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê hình thành quả	Tốt	TB	
27	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê hình thành quả	TB	Quá ảm	
28		Trà Nóc	Lúa hè thu đẻ nhánh	Khá	3cm	
29		Mỹ Tho	Lúa hè thu mọc dón	TB	3cm	
30		Bạc Liêu	Lúa hè thu mọc dón	Khá	Quá ảm	

2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Ngoài việc gieo trồng thu hoạch lúa hè thu và gieo trồng lúa thu đông, mùa, các địa phương tiếp tục triển khai việc gieo trồng các cây màu lương thực khác. Tính đến đầu tháng 8 diện tích gieo trồng các cây màu lương thực cả nước ước đạt trên 1.412 ngàn ha, giảm 3,44% so với cùng kỳ năm trước; trong đó diện tích ngô đạt 828,2 ngàn ha, khoai lang đạt 107,8 ngàn ha, sắn đạt gần 450,9 ngàn ha. Diện tích gieo trồng cây công nghiệp ngắn ngày cả nước đạt hơn 500,9 ngàn ha, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước; trong đó diện tích lạc đạt 167 ngàn ha, diện tích đậu tương đạt gần 76,2 ngàn ha, thuốc lá đạt 26,9 ngàn ha, mía đạt gần 188,9 ngàn ha, và diện tích rau, đậu các loại 687,5 ngàn ha.

Chè lớn nảy chồi sinh trưởng khá ở Mộc Châu; chè lớn búp hái sinh trưởng trung bình ở Phú Hộ. Chè lớn lá thật thứ nhất, sinh trưởng trung bình ở Ba Vì.

Cà phê trong giai đoạn hình thành quả, sinh trưởng tốt ở Tây Nguyên, sinh trưởng trung bình ở Xuân Lộc.

3. Tình hình sâu bệnh

Theo thống kê của Cục Bảo vệ thực vật, trong tháng dịch ốc brou vàng hại lúa phát sinh tăng đã gây hại trên diện rộng. Tại các tỉnh ĐBSCL dịch chuột hại lúa cũng đang có chiều hướng tăng. Các loại sâu bệnh khác như sâu cuốn lá nhỏ, bệnh đạo ôn lá... đều có mức giảm so với cùng kỳ năm trước. Bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá mức độ thiệt hại nhẹ, chủ yếu tại các tỉnh Kiên Giang, An Giang và Đồng Tháp. Cụ thể:

- Ốc brou vàng: Gây hại tại các tỉnh Bắc Bộ và Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 31.495,1 ha trong đó diện tích bị nhiễm nặng 1.310,5 ha.
- Rầy nâu - rầy lưng trắng: Tổng diện tích nhiễm 16.898 ha, diện tích bị nhiễm

nặng 12 ha. Bệnh tập trung chủ yếu tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

- *Sâu cuốn lá nhỏ*: Diện tích nhiễm toàn quốc là 18.627 ha, diện tích nhiễm nặng 14 ha. Sâu cuốn lá nhỏ tập trung chủ yếu tại các tỉnh Bắc Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long.

- *Bệnh đạo cổ bông*: Tổng diện tích nhiễm 5.068 ha. Bệnh hại chủ yếu tại Đồng bằng sông Cửu Long.

- *Bệnh đạo ôn lá*: Gây hại ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 40.369 ha, diện tích nhiễm nặng 90,1 ha.

- *Bệnh VL- LXL*: Gây hại trên diện hẹp tại các tỉnh Kiên Giang, An Giang, Đồng Tháp với diện tích nhiễm 188,3 ha, diện tích bị nặng 2 ha.

- *Chuồn*: Tổng diện tích hại 6.420 ha, diện tích bị nặng 39 ha, chủ yếu tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

- *Sâu đục thân*: Diện tích nhiễm sâu non 2.198 ha. Sâu gây hại chủ yếu tại Đồng bằng sông Cửu Long.

- *Bệnh bạc lá*: Tổng diện tích nhiễm 11.402 ha, diện tích nhiễm nặng 2 ha. Bệnh tập trung tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

- *Bệnh đen lép hạt*: Diện tích nhiễm 13.363 ha, diện tích nhiễm nặng 58 ha tập trung tại Đồng bằng sông Cửu Long.

Ngoài ra, các đối tượng dịch hại khác như: bọ trĩ, bọ xít dài, bọ xít đen... gây hại nhẹ trên phạm vi hẹp

III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VIII, IX, X/2015

3.1. Nhiệt độ

Trong 3 tháng tới, nhiệt độ cận đến vượt chuẩn ở đa phần diện tích nước ta với xác suất từ 55 đến 77%; hụt chuẩn ở phần lớn diện tích Trung Trung Bộ, Bắc Tây Nguyên và đa phần diện tích Tây Nam Bộ với xác suất từ 55 đến 77%; chuẩn sai nhiệt độ dao động trong khoảng -0,5 đến 1°C.

3.2. Lượng mưa

Trong ba tháng tới, lượng mưa có khả năng cận đến hụt chuẩn ở đa phần diện tích nước ta với xác suất từ 55 đến 77%; vượt chuẩn ở đa phần diện tích Nam Trung Bộ và Bắc Tây Nguyên với xác suất từ 55 đến 77%; chuẩn sai của lượng mưa dao động trong khoảng -200 đến 200mm.

3.3. Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ) và không khí lạnh (KKL)

Kết quả thống kê 3 tháng VIII-X trung bình thời kỳ 1971-2000 có khoảng 6 XTND hoạt động trên khu vực Biển Đông và có khoảng 4 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam. Trung bình của thời kỳ 1971 - 2000 có khoảng 4 đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến Việt Nam trong 3 tháng VIII - X.

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng VII và trên cơ sở dự báo khí hậu 3 tháng VIII, IX và X/2015 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Tình hình khí tượng nông nghiệp trong tháng nhìn chung ổn định nhưng ít thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp (đang bước vào thời điểm khẩn trương gieo cấy lúa mùa) do nền nhiệt độ quá cao, mưa dông nhiều;

- Do điều kiện khí tượng nông nghiệp thuận lợi cho sâu bệnh (lùn sọc đen, rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu năn, bọ trĩ, bệnh đạo ôn lá, ốc bươu vàng) phát triển, gây hại nhiều diện tích lúa mùa sớm, các địa phương trong vùng cần có các biện pháp phòng chống sự phát triển và lây lan của sâu bệnh hại lúa và các loại rau màu.

- Trong những tháng tiếp theo, ở các tỉnh miền núi phía Bắc có khả năng lượng mưa thấp hơn TBNN, nên cần có biện pháp đảm bảo nước cho lúa mùa và các loại cây rau màu.

- Sẵn sàng các biện pháp ứng phó với bão, lũ, đề phòng lũ ống và lũ quét ở những địa hình dốc cao.

2. Miền Nam

- Do mưa nhiều ở các tỉnh Nam Bộ, gây khó khăn cho thu hoạch lúa hè thu, các địa phương trong vùng cần tranh thủ thời gian khô ráo để thu hoạch lúa hè thu và có biện pháp thoát nước cho trà lúa thu đông mới sạ.

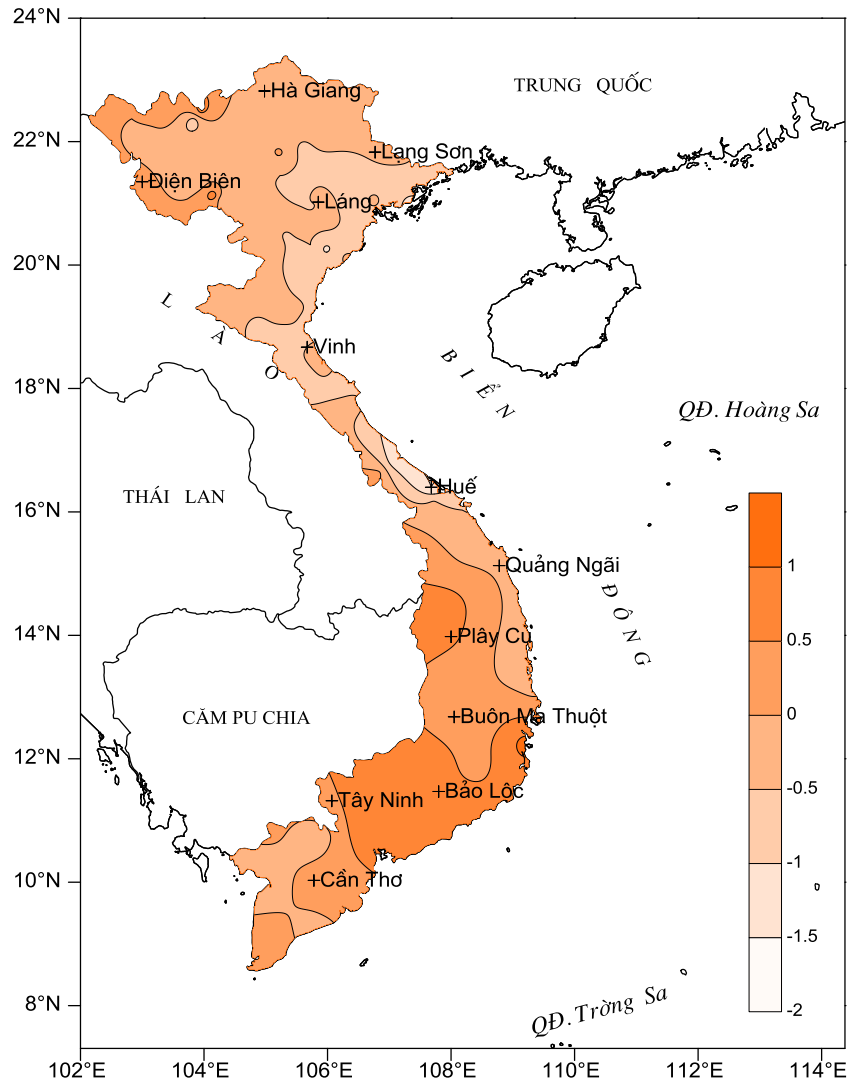
- Tích cực phòng trừ các loại sâu bệnh hại trên lúa thu đông vừa mới sạ và các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây cà phê.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

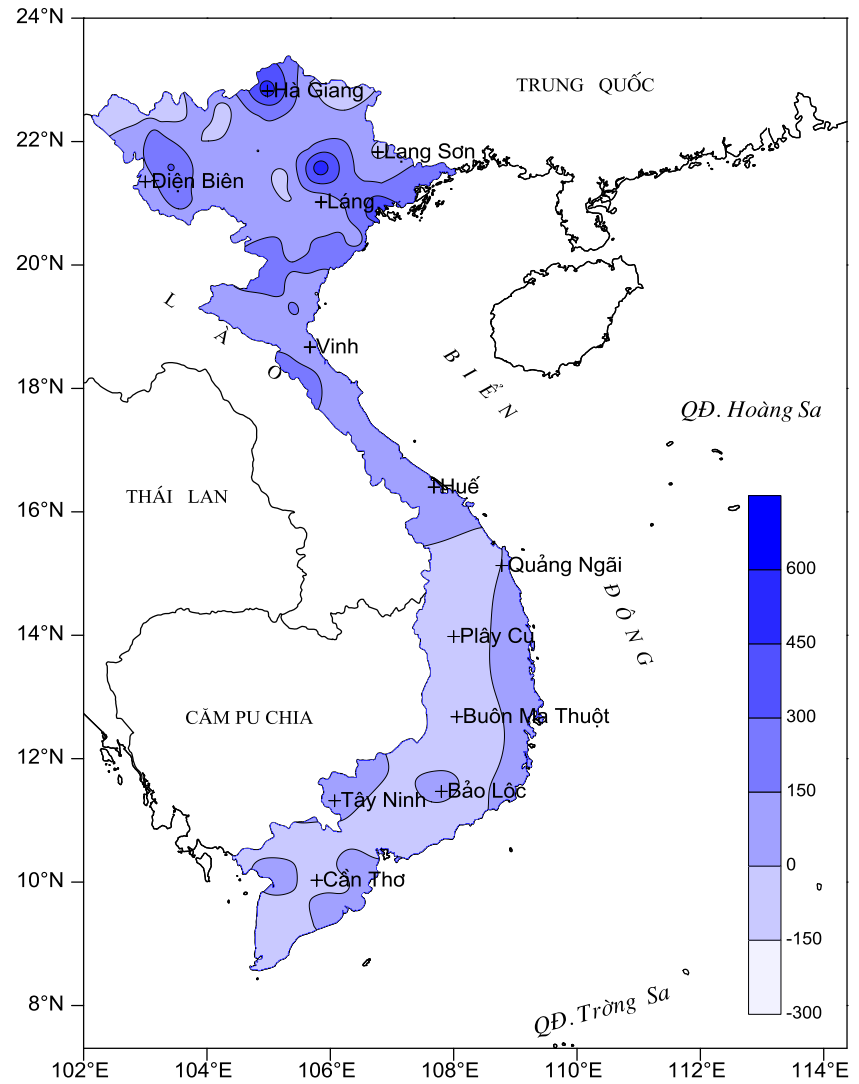
1. Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng VIII, IX, X năm 2015;

2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng VIII năm 2015 các khu vực trên phạm vi cả nước;

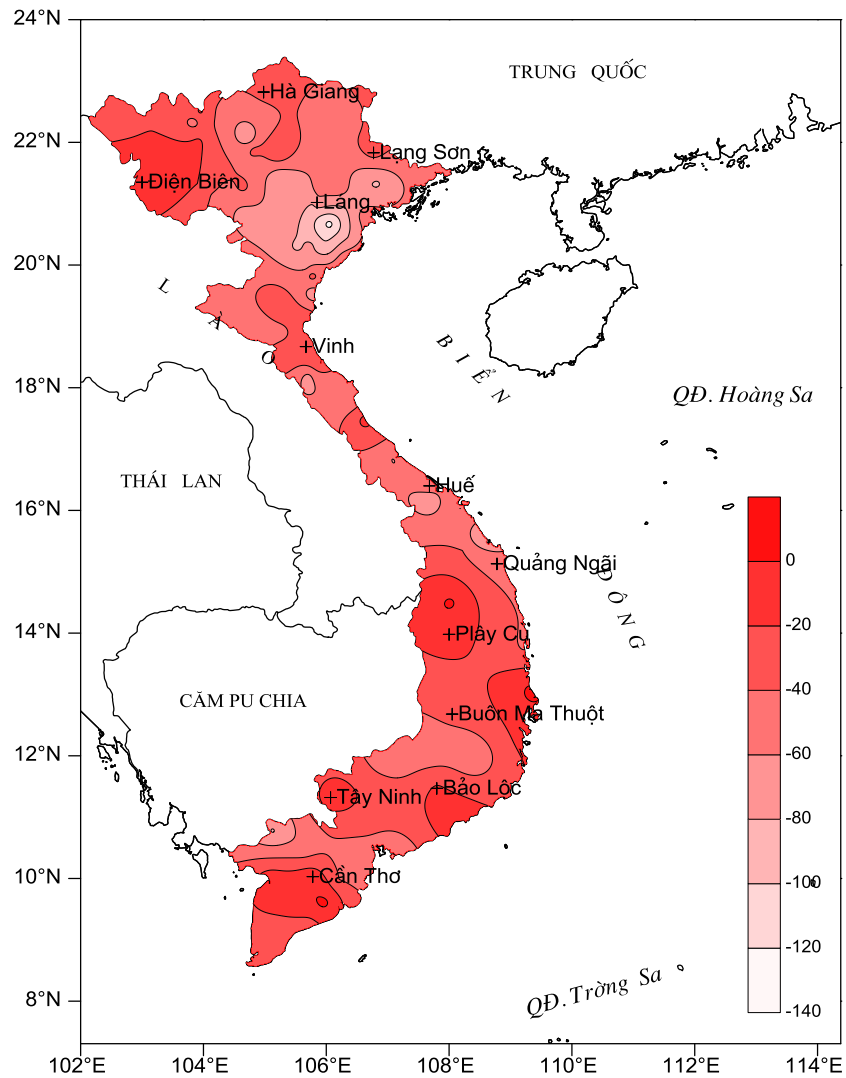
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng VII năm 2015 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



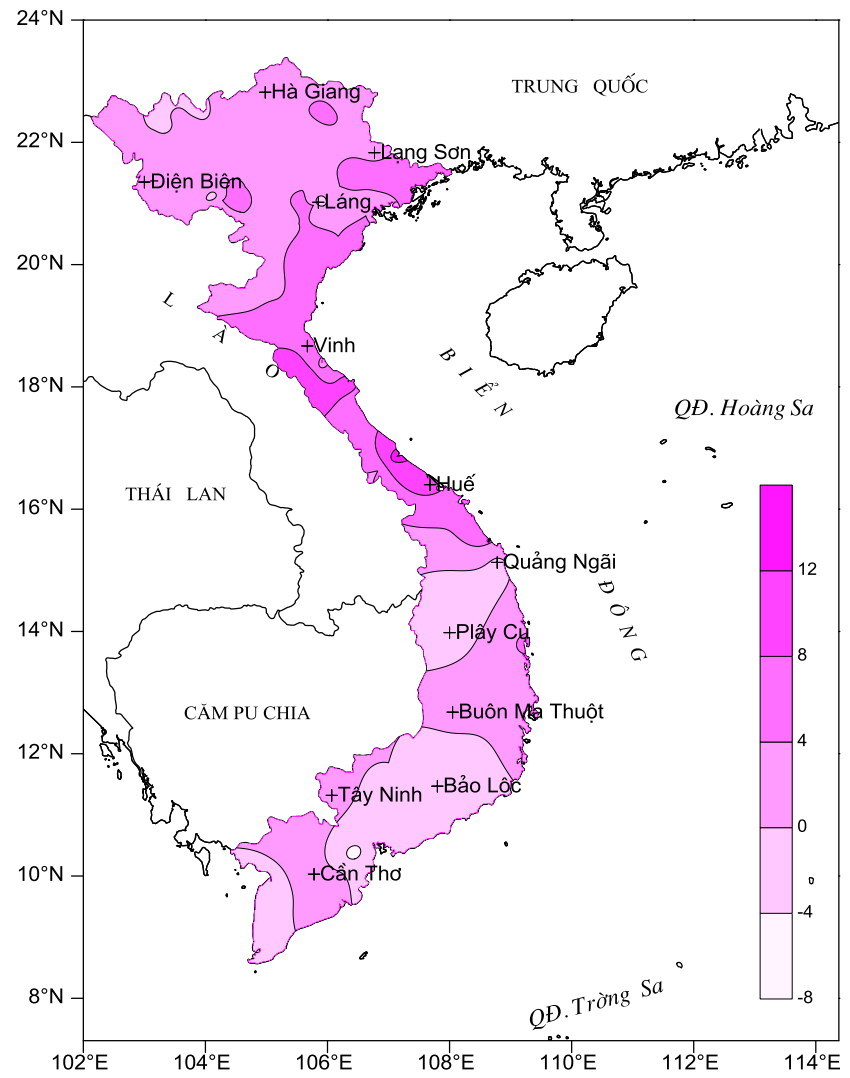
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng V/2015 so với TBNN (°C)



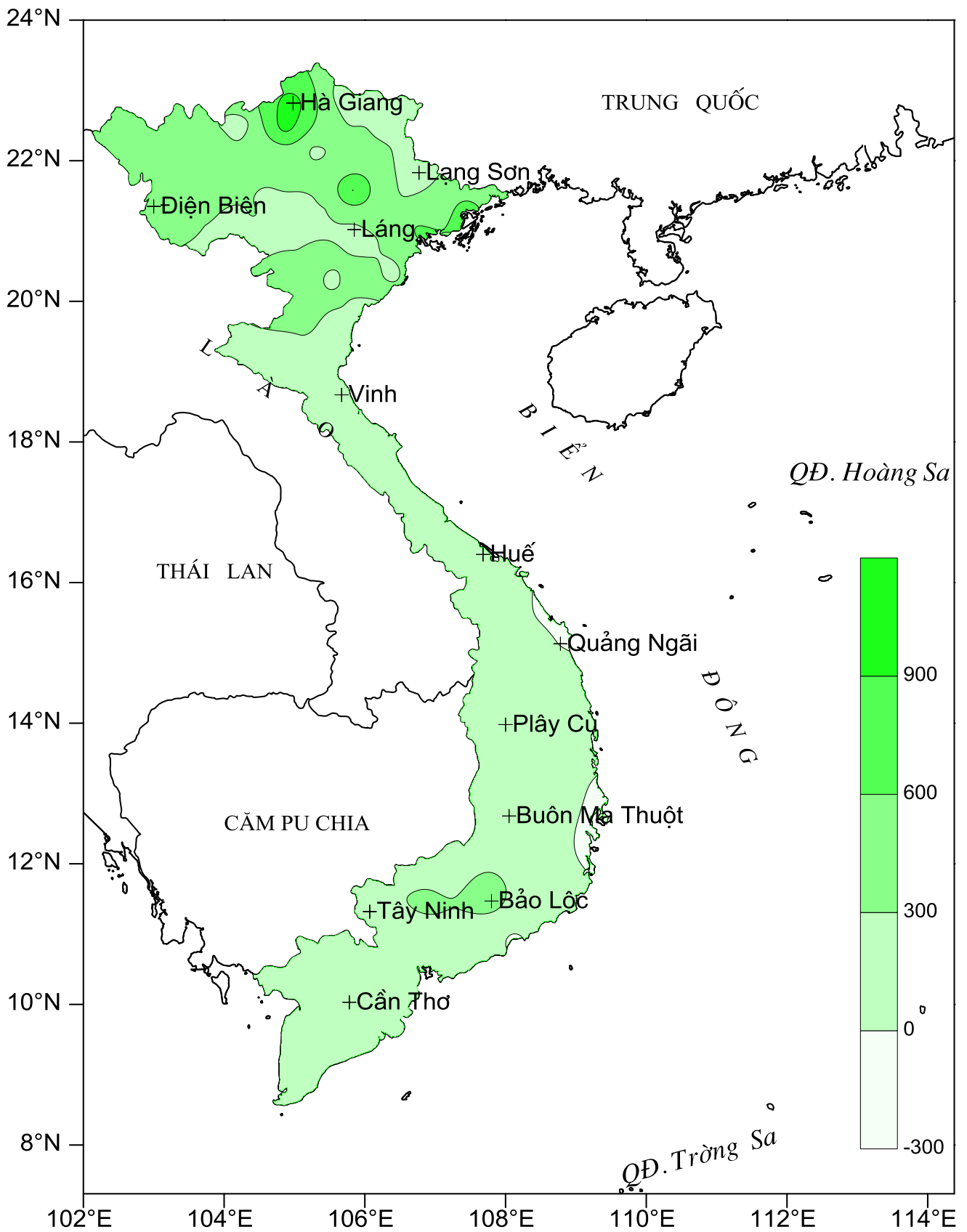
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng V/2015 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng V/2015 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng V/2015 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng V/2015 (mm)